TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2019/QĐST-HNGĐ	*Uông Bí, ngày 15 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 4, các khoản 1 và 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 40/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1) Chị **Vũ Thị X**, sinh năm 19...; nơi ĐKNKTT: Tổ ..., khu Hiệp An ..., phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh Q.

2) Anh **Hoàng Văn B**, sinh năm 19...; nơi ĐKNKTT: Tổ ..., khu P ..., phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị X và anh Hoàng Văn B đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 04 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Thời gian sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã được khuyên giải nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Tháng 5 năm 2018, Chị X về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Anh chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, anh chị thống nhất ly hôn nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống anh chị có 01 (một) con chung là Hoàng Gia H, sinh ngày 02/6/20…. Anh chị thỏa thuận: Anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung kể từ tháng 3 năm 2019 cho đến khi

con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Vũ Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự: Anh chị thỏa thuận: Chị X là người chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

[5

hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thoả thuận việc nuôi con và chia tài sản cùng lập ngày 07 tháng 3 năm 2019 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập
thành và Biên bản thuận tình ly hôn, thoả thuận việc nuôi con và chia tài sản, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị X và anh Hoàng Văn B cùng thoả thuận thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Hoàng Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Hoàng Gia H, sinh ngày 02/6/20… kể từ tháng 03 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Vũ Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vũ Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp chị X lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị X.

Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị Vũ Thị X và anh Hoàng Văn B không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Chị Vũ Thị X và anh Hoàng Văn B không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị X tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0000760 ngày 12/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND P. Yên Thanh, TP. Uông Bí, T. Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Uông Bí;
- Chi cục THADS TP Uông Bí;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự; TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Lâm